TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2026/DS-ST
Ngày: 03 – 8 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 –ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Nguyễn Thị Thanh Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

01. Ông Võ Kim Thắng,

02. Bà Vũ Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Lê Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1014/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1020/2026/QĐST-DS ngày 13/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S V (gọi tắt là Công ty S). Địa chỉ: tầng 19, tháp B, khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc khu chức năng số 01- số 15, đường T, phường A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: ông Chun Young I - Chức vụ: Tổng Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phùng Minh Đ - Chức vụ: Giám đốc Khối Thu hồi nợ *(Theo Giấy ủy quyền số 048/2024/GUQ-TGĐ do Ông Chun Young I, Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật ký ngày 04 tháng 10 năm 2024).*

Ông Phùng Minh Đ ủy quyền cho Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên D. Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Văn Đ, chức vụ: Giám đốc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên D (*Theo văn bản ủy quyền số 03/26/UQ-KK-SVFC ngày 12/01/2026);* địa chỉ: số 81, đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên D ủy quyền lại cho ông

Nguyễn Thọ Viết N, sinh năm 1990, bà Phạm Thị Thu H sinh năm 1995, ông Hoàng Xuân H, sinh năm 2002; cùng địa chỉ: số 81, đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng (*Theo văn bản ủy quyền số 64/UQ2026 ngày 22/01/2026)* và bà Lê Trần Bảo Tr, sinh năm 2004; địa chỉ: số 325 đường H, phường K, thành phố Đà Nẵng (*Theo văn bản ủy quyền số 62.1/UQ2026 ngày 20/3/2026)*

- *Bị đơn*: ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1990; nơi đăng ký thường trú: thôn T, xã C, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: thôn C, xã C, thành phố Đà Nẵng.

Bà Lê Trần Bảo Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Ph vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung trong đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/8/2024, Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên SV *(sau đây gọi tắt là Công ty Shinhan)* và ông Nguyễn Văn Ph đã ký Hợp đồng cho vay số 10178XXXX. Theo nội dung hợp đồng, Công ty S cho ông Ph vay số tiền 41.000.000 đồng *(Bốn mươi mốt triệu đồng)* với lãi suất thỏa thuận 43,5%/năm, mục đích vay: Mua phương tiện đi lại , loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Công ty Tài chính S đã giải ngân đủ số tiền 38.548.500 đồng (*Ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm đồng)* cho ông Nguyễn Văn Ph qua số tài khoản 0912219238 mở tại Ngân hàng OCB Hồ Chí Minh- chi nhánh T do ông Đặng Quốc V là chủ sở hữu và số tiền 2.451.500 đồng là phí bảo hiểm.

Căn cứ thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, ông Ph có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 48 kỳ vào ngày 10 hằng tháng, từ kỳ đầu tiên vào ngày 10/09/2024 đến kỳ thứ 47 trả mỗi kỳ 1.823.530 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 1.823.625 đồng vào ngày 10/8/2028.

Ông Ph đã thanh toán được 03 kỳ với tổng cộng số tiền 3.990.000 đồng, trong đó tiền gốc là 805.015 đồng, tiền lãi 3.184.985 đồng. Sau đó, ông Ph không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03 tháng 8 năm 2026), Công ty S xác định ông Nguyễn Văn Ph còn nợ tổng số tiền 76.531.908 *(Bảy mươi sáu triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn chín trăm lẻ tám)* đồng, gồm: nợ gốc 40.194.985 đồng, lãi trong hạn 18.002.673 đồng, lãi quá hạn 18.334.250 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Ph phải thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 03/8/2026 là 76.531.908 *(Bảy mươi sáu triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn chín trăm lẻ tám)* đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho vay số 10178XXXX kể từ ngày 14/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập và thông báo về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông Nguyễn Văn Ph theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Ph không gửi văn bản

trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và cũng không tham gia các hoạt động tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật; bị đơn vắng mặt là không chấp hành quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên SV khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Ph thanh toán khoản vay (nợ gốc và lãi) theo 10178XXXX ký ngày 06/8/2024. Bị đơn cư trú tại tại thôn T, xã C, thành phố Đà Nẵng. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay chỗ ở hiện nay của ông Ph là thôn C, xã C. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2025).*

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Căn cứ theo Hợp đồng cho vay số 10178XXXX ngày 06/8/2024, Giấy cam kết nhận khoản vay và yêu cầu giải ngân, giấy chứng nhận bảo hiểm, lịch trả nợ, bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay giữa Công ty S và ông Nguyễn Văn Ph, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: ngày 06 tháng 8 năm 2024, Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S V và ông Nguyễn Văn Ph đã tự nguyện giao kết Hợp đồng cho vay số 10178XXXX, ông Nguyễn Văn Ph có vay của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S V số tiền 41.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vay 48 tháng; mục đích vay để mua phương tiện đi lại; hình thức vay tín chấp; lãi suất 43,5%/năm, lãi suất chậm trả phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn sẽ là 65,25 %/năm.

Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân theo thỏa thuận, giải ngân

bằng hình thức chuyển khoản số tiền 38.548.500 đồng (*Ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm đồng)* cho ông Ph qua số tài khoản 0912219238 mở tại Ngân hàng OCB Hồ Chí Minh- chi nhánh K do ông Đặng Quốc V là chủ sở hữu (*theo hợp đồng mua bán ngày 05/8/2024, cam kết nhận khoản vay và yêu cầu giải ngân*), đồng thời khấu trừ phí bảo hiểm 2.451.500 *(Hai triệu, bốn trăm năm mươi mốt nghìn, năm trăm)* đồng theo thỏa thuận của các bên.

Đối chiếu hình thức, nội dung và quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa hai bên với quy định tại các Điều 398, 401, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng cho vay giữa Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S V với ông Nguyễn Văn Ph đảm bảo các điều kiện của pháp luật về hình thức, nội dung và điều kiện có hiệu lực pháp luật của hợp đồng vay tài sản. Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S V cho ông Nguyễn Văn Ph vay tiền và thỏa thuận về lãi suất trong theo Hợp đồng cho vay số 10178XXXX ngày 06/8/2024 là phù hợp với quy định của pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung đã cam kết.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Nguyễn Văn Ph có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền gốc và tiền lãi theo định kỳ vào ngày 10 hằng tháng. Sau khi nhận tiền vay, ông Ph đã thực hiện thanh toán trả nợ được 3 kỳ với tổng cộng số tiền 3.990.000 đồng, trong đó tiền gốc là 805.015 đồng, tiền lãi 3.184.985 đồng. Tuy nhiên, sau khi thanh toán được 03 kỳ, ông Nguyễn Văn Ph đã ngừng thực hiện nghĩa vụ trả nợ kể từ sau ngày thanh toán 24/01/2025 và không tiếp tục thanh toán bất kỳ khoản tiền nào mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần thông báo, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận ý kiến của nguyên đơn, xác định ông Nguyễn Văn Ph đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số 10178XXXX ngày 06/8/2024 tính đến ngày 03 tháng 8 năm 2026 là 76.531.908 *(Bảy mươi sáu triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn chín trăm lẻ tám)* đồng, gồm: nợ gốc 40.194.985 đồng, lãi trong hạn 18.002.673 đồng, lãi quá hạn 18.334.250 đồng là có cơ sở, đúng với quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do khoản nợ chưa được thanh toán dứt điểm nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Ph còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền

lãi trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 10178XXXX ngày 06/8/2024 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

[2.2]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đà Nẵng tại phiên tòa.

[2.3]. Về án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2025)*; các Điều 280, 398, 401, 463, 465 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S V đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Ph.

Buộc ông Nguyễn Văn Ph có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S V tổng số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số 10178XXXX ngày 06/8/2024 tính đến ngày 03/8/2026 là **76.531.908** *(Bảy mươi sáu triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn chín trăm lẻ tám)* đồng, gồm: nợ gốc 40.194.985 đồng, lãi trong hạn 18.002.673 đồng, lãi quá hạn 18.334.250 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/8/2026) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức điều chỉnh lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng cho vay số 10178XXXX ngày 06 tháng 8 năm 2024.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 3.826.000 đồng *(Ba triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn)* đồng.

Trả lại Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.493.000 *(Một triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002226 ngày

11/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Đà Nẵng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 7

ZOA030826.TL.QDBA
713

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thanh Tuyên